

NGHỊ QUYẾT 15 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA II XOAY CHUYỂN TÌNH THẾ CÁCH MẠNG MIỀN NAM

TS NGUYỄN QUANG HÒA

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

2-4-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

10-4-2025

Ngày duyệt đăng:

14-4-2025

Tóm tắt: Sau Hiệp định Genève, Mỹ gạt Pháp ra khỏi guồng máy cai trị và áp đặt chủ nghĩa thực dân mới tại miền Nam Việt Nam, thực hiện chiến lược “tổ cộng, diệt cộng” để đàn áp phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng, phong trào cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 15 mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, xoay chuyển tình thế, dẫn đến cuộc “Đồng khởi” chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, mở ra bước ngoặt của cách mạng miền Nam.

Từ khóa:

Nghị quyết Trung ương 15; cách mạng miền Nam; xoay chuyển tình thế

1. Tình hình cách mạng miền Nam

Sau khi được Mỹ dựng lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm ráo riết xây dựng bộ máy chính quyền từ Trung ương đến cấp xã, ngang nhiên phá hoại Hiệp định Genève chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, lấy miền Nam làm phòng tuyến ngăn chặn CNXH lan xuống Đông Nam Á. Chúng đã lập ra các tổ chức chính trị phản động như đảng “Cần Lao nhân vị”, “Phong trào cách mạng quốc gia”, “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới” “Tập đoàn công dân”... để tạo cơ sở xã hội làm hậu thuẫn cho chính quyền của chúng. Với âm mưu xóa sạch

vết tích của chính quyền và cơ sở cách mạng, tiếp quản các vùng giải phóng của ta ở Nam Bộ đến đâu, chính quyền Sài Gòn đã thực hiện ngay chế độ hà khắc thiết quân luật, đi đến đâu chúng bắt, giết người đến đó, mở các đường chiến lược, xây dựng nhiều đồn bốt ngay trong khu căn cứ kháng chiến cũ. Ở Liên khu V, tháng 2-1955, chính quyền Ngô Đình Diệm mở chiến dịch Phan Chu Trinh đánh phá Quảng Nam; tháng 4-1955, mở chiến dịch Giải phóng đánh phá Quảng Ngãi và bắc Bình Định, chiến dịch Trịnh Minh Thế đánh phá các tỉnh giải phóng còn lại ở Liên khu V. Ở Nam Bộ, từ tháng 6 đến tháng 10-1956, mở chiến dịch Thoại Ngọc Hầu đánh vào vùng Đồng

Tháp Mười, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng ..., chiến dịch Trương Tấn Bửu từ tháng 7 đến tháng 12-1956, đánh phá miền Đông Nam Bộ. Khẩu hiệu “đạp lên oán thù, thà giết lầm còn hơn bỏ sót”, “đĩ đảng, trị đảng”, “đĩ dân, trị dân” được chính quyền Sài Gòn nêu thành phương châm hành động cho tất cả các chiến dịch càn quét, tổ cộng; vừa bắn giết những người yêu nước và cách mạng, vừa mua chuộc, chiêu hàng những phần tử dao động, phản bội. Cơ sở đảng, cơ sở cách mạng nhiều địa phương bị tan vỡ.

Sự khủng bố toàn diện và tàn bạo của chính quyền Sài Gòn đã gây nhiều tổn thất cho lực lượng cách mạng ở miền Nam. Chỉ trong vòng 10 tháng, từ tháng 7-1955 đến tháng 5-1956, chúng đã bắt, giết 108.835 người¹, hệ thống tổ chức đảng ở Nam Bộ bị tổn thất nghiêm trọng, 1 Phó Bí thư Xứ ủy, 18 tỉnh ủy viên, 100 huyện ủy viên bị bắt, trong đó có nhiều đồng chí bị sát hại². Tổng số đảng viên ở Nam Bộ sụt giảm nhanh chóng. Từ 50.000 đảng viên cuối năm 1954 còn 17.000 đảng viên đầu năm 1957. Một số địa phương thiệt hại nặng nề như Thủ Dầu Một, bỏ trí ở lại 1.647 đảng viên, đến cuối năm 1956 chỉ còn 260 đồng chí. Tỉnh Gia Định, số đảng viên giảm từ 3.000 xuống còn 350 đồng chí. Tuy nhiên, các tổ chức đảng vẫn được duy trì tổ chức hoạt động. Toàn Nam Bộ có 1.100 xã/1.200 xã vẫn còn chi bộ. Chỉ tính đảng viên loại A, xã yếu có từ 10 đến 20 đồng chí, xã mạnh có từ 35 đến 40 đồng chí³.

Không khí khủng bố bao trùm khắp miền Nam. Cơ sở đảng, cơ sở cách mạng nhiều địa phương tan vỡ. Không khí sợ sệt, nghi kỵ, hoang mang xuất hiện ở nhiều nơi. Một bộ phận đảng viên nằm im hoặc chạy dài, thủ tiêu đấu tranh, thậm chí khai báo, phản bội, dẫn địch đi đánh phá cơ sở cách mạng. “*Tư tưởng phổ biến của cán bộ, đảng viên là bi quan, dao động, thiếu tin tưởng vào cuộc*

đấu tranh chính trị thống nhất nước nhà... Hiện tượng đầu hàng xuất thủ nghiêm trọng. Tư tưởng sốt ruột, nôn nóng vũ trang cũng có ở một số địa phương”⁴. Phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam lâm vào tình thế hết sức hiểm nghèo.

Từ tháng 7-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai giai đoạn II chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” trên toàn miền Nam, đánh phá có chiều sâu, hòng quét sạch cơ sở của Đảng. Trọng điểm của chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” giai đoạn II là đánh vào miền Đông Nam Bộ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Chính quyền Ngô Đình Diệm dùng lực lượng quân đội, cảnh sát, bảo an, dân vệ càn quét, đánh phá dữ dội ở cả nông thôn, thành thị và các khu căn cứ.

Từ ngày 24-6-1956 đến ngày 24-2-1957, chính quyền Ngô Đình Diệm dùng hai sư đoàn chủ lực cùng sáu trung đoàn độc lập, bốn hải đoàn xung phong kết hợp với các đoàn tổ cộng và bộ máy kim kẹp cấp cơ sở, mở chiến dịch Thoại Ngọc Hầu đánh vào các tỉnh miền Tây Nam Bộ mở đầu giai đoạn II “tổ cộng, diệt cộng”. Mục đích của cuộc hành quân này nhằm tìm diệt cán bộ, đảng viên nằm vùng, thanh toán lực lượng vũ trang cách mạng liên kết với một bộ phận lực lượng giáo phái Hòa Hảo đang hoạt động ở đây để củng cố chính quyền ngay ở nông thôn, thành lập và huấn luyện cho lực lượng dân vệ đoàn.

Từ ngày 10-7-1956 đến ngày 24-2-1957, chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành chiến dịch Trương Tấn Bửu với sự huy động một sư đoàn chủ lực, hai trung đoàn độc lập, một hải đoàn xung phong, kết hợp với lực lượng bảo an, các đoàn tổ cộng, càn quét 8 tỉnh miền Đông Nam Bộ, kể cả Phân khu Sài Gòn - Chợ Lớn, nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng và tàn quân Bình Xuyên, Cao Đài, kiểm soát chặt vùng biên giới, tái lập an ninh nông thôn.

Sau những cuộc càn quét và khủng bố gắt gao, địch đưa lực lượng gồm công an, cảnh sát, điều tra, mật vụ, cán bộ hương thôn, công dân vụ... xuống các tỉnh, huyện rồi chia thành nhiều toán nhỏ về hoạt động ở một xã hay một ấp để thẩm tra, nắm được từng gia đình có bao nhiêu người, ai tham gia kháng chiến, ai tập kết, ai làm việc cho Pháp... Thông qua việc điều tra nắm tình hình, địch tiến hành chia làng, xã thành từng ô và phân các gia đình thành ba loại A⁵, B⁶, C⁷. Những người thuộc các gia đình loại A và B bị bắt dồn tới các trại tập trung để học tập tổ cộng từ 1 đến 6 tháng. Để uy hiếp tinh thần những người bị bắt và gây hoang mang sợ hãi trong quần chúng, địch đưa một số tên đầu hàng phản bội cách mạng tố cáo Đảng, xuyên tạc chủ trương, đường lối cách mạng, xé cờ Đảng và ảnh Bác Hồ...

Tháng 4-1957, chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai kế hoạch lập khu “dinh điền”, khu “trù mật” và coi đây là một bộ phận quan trọng góp phần thực hiện kế hoạch “tổ cộng, diệt cộng” ở miền Nam. Khu dinh điền và khu trú mật thực chất là những trại tập trung trá hình. Mục đích của chúng nhằm xây dựng khu dinh điền thành các pháo đài “tiểu cộng”, thành nơi tăng cường quân sự, bóc lột kinh tế và đàn áp về chính trị; lập khu trú mật để bình định, khống chế nhân dân, cô lập phong trào cách mạng ở ngay địa bàn cơ sở. Từ giữa năm 1957 đến cuối năm 1958, hàng triệu dân ở vùng đồng bằng chúng bị dồn ép lên các vùng núi hẻo lánh để xây khu dinh điền. Ở đồng bằng, chính quyền Ngô Đình Diệm cho xây dựng các khu trú mật dày đặc để kiểm soát các vùng chiến lược quan trọng, ven đô thị và các trục giao thông lớn.

Tháng 4-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng khẩn cấp”, tháng 5-1959, Quốc hội Việt Nam Cộng hòa thông qua Đạo luật 91 (Luật 10/59). Ngày

3-7-1959, Ngô Đình Diệm ra sắc lệnh đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Với Đạo luật 10/59, Mỹ - Diệm đã tiến hành đàn áp khủng bố nhân dân tham gia cách mạng, giết hại những người yêu nước, đánh phá ác liệt các chi bộ đảng và cơ sở cách mạng.

Dưới sự đàn áp tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm, giữa năm 1959, có tới 60%-90% cơ sở cách mạng ở vùng căn cứ bị đánh phá tan rã. Tại đồng bằng Nam Bộ, “Địch đã thực sự làm chủ xóm ấp, một hai tên phản động cũng làm cho hàng trăm, hàng ngàn quần chúng phải sợ sệt, phải thi hành mệnh lệnh của chúng”⁸; “Vài tên do thám không chế được cả xã”⁹, thám báo có thể đi sâu vào làng mạc tự do bắt bớ. Lực lượng cách mạng ở vào tình thế hết sức nguy hiểm. Cơ sở Đảng tan vỡ hết 7-8 phần 10, quần chúng căm hờn nhưng bị kim kẹp gay gắt, cơ hồ như phải quy xuống, không vùng lên nổi”¹⁰.

Trước khó khăn tột cùng của phong trào cách mạng Nam Bộ, nguyện vọng nổi dậy đấu tranh vũ trang của quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên cơ sở ngày càng bức thiết. Nhiều cơ sở, quần chúng lo ngại: “đấu tranh dân sinh, dân chủ chỉ có cửa huê và cửa lỗ”, “đấu tranh thế này thì chết hết”. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ nhận được thư của hàng chục nông dân tỉnh Thủ Dầu Một chất vấn rằng: Xứ ủy “có báo cáo để Bác Hồ và Trung ương biết tình hình miền Nam hay không mà chịu khoan tay, để địch đàn áp bừa bãi, muốn giết ai, chúng chỉ cần vu cho người đó là cộng sản”¹¹. Nhân dân xã Hòa Hội, tỉnh Tây Ninh đã ký tên vào bức tâm thư gửi lên Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo tình hình nhân dân bị khủng bố, cán bộ bị giết hại, xin cho bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc được trở về đánh giặc cứu dân. Trong một cuộc mít tinh, có cụ

già nghẹn ngào, uất ức nói: “Bác Hồ ơi! Mỹ - Ngô Đình Diệm nó độc ác quá lắm rồi. Bác cho phép đồng bào bắn nát đầu bọn chúng”¹², “Địch đã ngoan cố không chịu thực hiện Hiệp định, nếu chỉ dùng cùi chỏ đấu tranh với chúng thì làm sao mà ăn được?”. “Tại sao không cho vũ trang? Không cho vũ trang đánh lại quân thù thì anh em mình chết hết”¹³. Đó là yêu cầu cấp bách của quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên ở cơ sở đối với cách mạng, là những kiến nghị đầy trách nhiệm đòi phong trào cách mạng miền Nam.

Trước sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù, phong trào cách mạng miền Nam rơi vào tình thế “cực kỳ nguy hiểm”, yêu cầu cấp bách của Trung ương Đảng là phải phải nhanh chóng xây dựng, hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng miền Nam, đưa phong trào cách mạng miền Nam cũng như các Đảng bộ miền Nam thoát ra khỏi bế tắc, khôi phục và phát triển.

2. Nghị quyết số 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II ra đời xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam

Đáp ứng yêu cầu của Cách mạng miền Nam và đòi hỏi của lịch sử, tháng 1-1959, HNTƯ 15 họp (đợt 1- mở rộng) tại thủ đô Hà Nội, trọng tâm bàn về đường lối tiến lên của cách mạng miền Nam. Sau 11 ngày thảo luận, Hội nghị chưa thống nhất về nhiều vấn đề quan trọng của cách mạng giải phóng miền Nam. Hội nghị đợt 1 kết

thúc đề Trung ương tiếp tục nghiên cứu và kết luận vào đợt hai của Hội nghị. Từ ngày 10 đến 15-7-1959, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ 15 (đợt 2), thông qua Nghị quyết “Về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà”. Nghị quyết phân tích tính chất xã hội miền Nam, thái độ các giai cấp ở miền Nam, trên cơ sở đó đề ra đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam là: “Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện

độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh. Nhiệm vụ trước mắt là đại đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải

thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới¹⁴.

Nghị quyết nêu rõ: “con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân” và “Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh

Nghị quyết số 15 ra đời đã đáp ứng đúng đòi hỏi của tình hình và nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển đi lên của cách mạng Miền Nam là phải dùng bạo lực cách mạng, phải chuyển hướng sang đấu tranh vũ trang, để đưa phong trào vượt thoát khỏi tình thế hiểm nghèo. Đây là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu sự chuyển biến về tư tưởng chỉ đạo đấu tranh cách mạng ở cấp lãnh đạo cao nhất, sự chuyển hướng mạnh mẽ về hình thức và phương pháp đấu tranh.

của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”¹⁵.

Ngày 14-11-1959, Ban Bí thư Trung ương Đảng điện toàn văn Nghị quyết HNTU 15 của Ban Chấp hành Trung ương cho Xứ ủy Nam Bộ. Mong mỏi bao lâu của Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ được thỏa mãn. Nghị quyết 15 “đã giải thoát cho cách mạng miền Nam khỏi những bế tắc, khơi thông được dòng thác cách mạng”, “sức mạnh hào hùng đầy sáng tạo của nhân dân và lực lượng cách mạng miền Nam đã được giải phóng”¹⁶. Nghị quyết đã “hất đi một hòn đá tảng nặng nghìn cân”¹⁷ bấy lâu vẫn đè nặng lên tư tưởng và hành động của Đảng bộ Nam Bộ.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhân dân miền Nam đã vùng lên như nước vỡ bờ, tiến hành “đồng khởi” - những cuộc khởi nghĩa từng phần mạnh mẽ, liên tục tiến công kẻ thù. Ngày 17-1-1960, nhân dân Bến Tre nổi dậy khởi nghĩa, bắt đầu từ 3 xã điểm: Định Thủy, Phước Hiệp và Bình Khánh (huyện Mỏ Cày). Phong trào Đồng khởi nhanh chóng lan rộng ra khắp tỉnh Bến Tre. Từ thắng lợi ở ba xã điểm, phong trào nổi dậy nhanh chóng lan ra khắp tỉnh. Chỉ trong một tuần (từ ngày 17 đến ngày 24-1-1960), nhân dân 47 xã thuộc các huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú đã nhất tề nổi dậy phá đồn bốt, diệt ác ôn, đập tan bộ máy cai trị của ngụy quyền, giải phóng 22 xã. Ở 25 xã khác, nhân dân cũng nổi dậy diệt ác ôn, bao vây đồn bốt, phá khu đồn dân giải phóng nhiều ấp. Ở những xã giành được thắng lợi, chính quyền tự quản, lực lượng vũ trang, các đoàn thể quần chúng được thành lập. Những tên có nợ máu với nhân dân bị đưa

ra xét xử. Ruộng đất của Việt gian, địa chủ bị thu chia cho nông dân.

Cùng với Bến Tre, nhân dân và lực lượng vũ trang ở miền Trung Nam Bộ, Tây Nam Bộ đã vùng lên mạnh mẽ, giành được những thắng lợi to lớn. Phong trào Đồng khởi nhanh chóng lan rộng và phát triển đồng loạt vào tháng 9-1960 trên khắp miền Nam: từ Đông Nam Bộ, Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây, đồng bằng Liên Khu V. Cách mạng đã làm chủ được một vùng căn cứ rộng lớn, có ý nghĩa chiến lược, nối từ Tây Nguyên xuống miền Đông, miền Tây Nam Bộ và các tỉnh đồng bằng Liên khu V; đồng thời, đã thúc đẩy quần chúng ở các đô thị, đặc biệt là Sài Gòn - Gia Định, đứng lên đấu tranh mạnh mẽ⁴.

Cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam đã căn bản làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nông thôn. Trong 2.627 xã toàn miền Nam, nhân dân đã lập chính quyền tự quản ở 1.383 xã (Nam Bộ: 984, Khu V: 379), đồng thời, làm tê liệt chính quyền ở hầu hết xã khác. Ở Tây Nguyên và vùng rừng núi Khu V, ngụy quyền cơ sở bị quét sạch. Dân số giải phóng toàn miền có khoảng 5.600.000 người. Kế hoạch lập khu trù mật của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm bị phá sản (dự định lập 115 khu trù mật, mới lập được 42 khu thì đã bị phá 28 khu, số còn lại dần dần bị phá sạch). Chính sách “cải cách điền địa” bị thất bại nặng, 2/3 ruộng đất bị chính quyền Ngô Đình Diệm cướp (khoảng 17 vạn ha) đã trở về tay nhân dân. Thế trận của quân đội Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam bị đảo lộn, từ chỗ tập trung lực lượng ở các tỉnh phía Bắc hô hào “Bắc tiến”, phải dồn về chống đỡ cho cơ sở ở phía Nam và Tây Nguyên.

Thắng lợi của phong trào đồng khởi đã chứng minh sự đúng đắn của Nghị quyết HNTU: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam

ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”¹⁸; chứng minh nhận định sáng suốt của Đảng về tình thế cách mạng và thời cơ khởi nghĩa đã xuất hiện vào năm 1959, đúng vào lúc tình hình khó khăn, đen tối nhất; chứng minh sự tiếp thu nghị quyết nhanh chóng và sự thực hiện kiên quyết, sáng tạo của các cấp bộ đảng ở miền Nam. Đồng thời, thắng lợi của phong trào đồng khởi cũng đặt ra những vấn đề sau khởi nghĩa: Làm thế nào bảo vệ được quyền làm chủ đã giành được, đấu tranh vũ trang phải được đặt ngang với đấu tranh chính trị.

Nghị quyết HNTU 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn. Nghị quyết đã thể hiện sự thống nhất về tư duy chiến lược giữa Trung ương và các cấp lãnh đạo ở địa phương miền Nam, mở đường thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ, “làm xoay chuyển hẳn tình thế”¹⁹, dẫn đến cuộc “Đồng khởi” oanh liệt toàn miền Nam năm 1960. Nghị quyết đã đáp ứng nhu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam lúc ấy, cứu lấy phong trào cách mạng đang trong cơn nguy biến nhất, đáp ứng nguyện vọng tha thiết và nóng bỏng của quần chúng vùng dậy phá tan xiềng xích nô lệ, từng bước giành quyền làm chủ, tạo ra những bước phát triển tiếp theo ngày càng to lớn hơn. Qua phong trào Đồng khởi, Đảng đã có thêm những điều kiện thực tiễn quan trọng để đúc kết được nhiều bài học lớn về chỉ đạo cách mạng, như: đánh giá đúng địch và ta, nắm vững quan điểm bạo lực, quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công. Phong trào Đồng khởi ở miền Nam là hình ảnh sinh động nhất của sự gặp gỡ giữa “ý Đảng và lòng dân”.

1. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II (1954-1975)*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 98

2, 3. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình miền Nam năm 1957*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

4. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo đặc biệt về tình hình Đảng ở miền Nam từ sau hòa bình tới năm 1956*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

5. Gia đình loại A là những gia đình kháng chiến cũ, gia đình có người tham gia tập kết, những người yêu nước mà địch gọi là “Việt cộng”. Đây là những gia đình mà địch cho là bất hợp pháp, trước nhà treo biển đỏ và bị theo dõi, quản chế gắt gao

6. Loại B là những gia đình có liên quan, bà con họ hàng với loại A, cũng được liệt vào danh sách gia đình bất hợp pháp, trước nhà treo biển vàng

7. Loại C là những gia đình vây cánh, hậu thuẫn cho chính quyền Ngô Đình Diệm, được coi là gia đình hợp pháp, được chính quyền Diệm đặt biệt ưu đãi

8, 9. Xứ ủy Nam Bộ: *Báo cáo tình hình Nam Bộ từ sau hòa bình lập lại đến 1961*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

10. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Nxb QĐND, H, 1991, tr. 42-43

11. Đồng chí Nguyễn Văn Linh trả lời phỏng vấn *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 2, 1995, tr. 11

12. *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến 1954-1975*, Nxb QĐND, H, 1993, T. 2, tr. 69

13. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb CTQG, H, 2002, tr. 166

14, 15, 18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 20, tr. 81-82, 81-82, 82

16. *Hồi ức Mai Chí Thọ*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, T. 2, tr. 92, 115

17. Hồi ký của đồng chí Nguyễn Văn Tri, nguyên Thành ủy viên Sài Gòn - Gia Định, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

19. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương: *Kết luận của Bộ Chính trị về Dự thảo tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ*, số 215-BBK/BCT, ngày 6-5-1994, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.